TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17 /2022/HNGĐ -ST
Ngày: 19/7/2022
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Hoàng và ông Trần Ánh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 46/2022/TLST- HNGĐ ngày 22/02/2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST - HNGĐ ngày 05/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST - HNGĐ ngày 12/7/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1972
Nơi cư trú: Thôn CĐ, xã CD, huyện LS, tỉnh HB.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1968
Trú tại: Thôn CĐ, xã CD, huyện LS, tỉnh HB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hiền trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CD, huyện LS, tỉnh HB vào ngày 08/11/1991. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong quan điểm, lối sống, ông B thường xuyên uống rượu say, mỗi lần uống rượu ông B lại đánh đuổi bà H ra khỏi nhà. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được. Hiện bà H và ông B sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau.Bà H cảm thấy mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không hạnh phúc, bà H không còn tình cảm với ông B. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Hiền và ông Nguyễn Văn Bạo được ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 03 con:

- Nguyễn Thị H – sinh ngày 12/8/1991
- Nguyễn Thị H – sinh ngày 13/9/1995
- Nguyễn Thị Ng – sinh ngày 10/11/2000

Hiện các cháu đã trưởng thành, trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn, ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng kí kết hôn tại UBND xã CD, huyện LS, tỉnh HB vào ngày 08/11/1991.Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm, lối sống nên vợ chồng có xảy ra cãi vã. Sau đó cô H bỏ về nhà anh chị ruột sinh sống từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Ông B đã khuyên bảo bà H rất nhiều lần về việc cho vợ chồng cơ hội trở về sống đoàn tụ với nhau, nhưng bà H không đồng ý. Nay bà H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông B, ông B không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng sống đoàn tụ.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 03 con:

- Nguyễn Thị H – sinh ngày 12/8/1991
- Nguyễn Thị H – sinh ngày 13/9/1995
- Nguyễn Thị Ng – sinh ngày 10/11/2000

Hiện các cháu đã trưởng thành, trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản xác minh của chính quyền địa phương - Trưởng thôn CĐ, xã CD, huyện LS cho biết: Ông B và bà H là vợ chồng, là công dân sinh sống tại thôn CĐ, xã CD, huyện LS, tỉnh HB. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ. Hiện bà H bỏ về nhà anh chị ruột sinh sống, ông bà sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay bà H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn B được ly hôn.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành trến 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H xin ly hôn ông Nguyễn Văn B là quan hệ hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Văn B cư trú tại: Thôn CĐ, xã CD, huyện LS, tỉnh HB thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Phiên tòa lần thứ nhất (ngày 05/ 7/2022) các đương sự đã được tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất, nhưng bị đơn là ông B vắng mặt. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 227, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn B tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn B tự

nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1991 có đăng ký kết hôn tại UBND xã CD, huyện LS, tỉnh HB nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo bà H trình bày: Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm, lối sống, ông B thường xuyên rượu chè, mỗi lần uống rượu say lại đánh đuổi bà H ra khỏi nhà, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà H nhiều lần khuyên bảo nhưng ông B không thay đổi. Nay bà H cảm thấy mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân và không còn tình cảm với ông B. Bà H cương quyết đề nghị tòa án giải quyết cho bà và ông B được ly hôn. Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa bà H với ông B, ông B được biết việc bà H xin ly hôn với ông. Tại biên bản lấy lời khai ông xác nhận điều kiện kết hôn như bà H trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng trong quan điểm, lối sống nên thường xuyên cãi, chửi nhau. Ông B xác nhận vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Nay bà H có đơn yêu cầu ly hôn, ông B không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà H được đoàn tụ với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy bà H và ông B sống ly thân từ năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau, bà H không còn thương yêu ông B, bà H cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Ông B xác nhận vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau như bà H trình bày, nhưng ông B không đồng ý ly hôn, mong tòa án giải quyết cho bà H và ông được đoàn tụ . Ông B xin đoàn tụ gia đình, nhưng không đưa ra được biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, ông bà sống ly thân từ năm 2019 đến nay, ông B không làm gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung của ông bà không còn tồn tại. Như vậy hôn nhân giữa bà H và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, khoản 1 Điều 53, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn B được ly hôn.

[3.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 con:

- Nguyễn Thị H – sinh ngày 12/8/1991
- Nguyễn Thị H – sinh ngày 13/9/1995
- Nguyễn Thị N – sinh ngày 10/11/2000

Hiện các cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, có gia đình, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét

[3.3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số

326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 53, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0003373, ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện LS;
- Chi cục Thi hành án DS H. LS;
- UBND xã Cao Dương
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đá ký)